

Bản án số: 192/2020/HN-ST

Ngày: 22-6-2020

V/v: “Ly hôn”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ LÁCH, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Chí Hậu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Hôn;

2. Bà Huỳnh Thị Kim Trúc Ly.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diễm My - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách.

Ngày 22 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 10/2020/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 01 năm 2020, về việc: “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 49/2020/QĐXXST-HNGĐ, ngày 10 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

Bà Ngô Thị R, sinh năm 1961; Có mặt

Nơi cư trú: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre.

2. Bị đơn:

Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1963; Có mặt

Nơi cư trú: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 11/12/2019, văn bản trình bày ý kiến, biên bản hòa giải và tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn bà Ngô Thị R trình bày:

Bà và ông Nguyễn Văn N qua mai mối, tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1982 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre vào ngày 24/7/2004. Quá trình chung sống, cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do thời điểm đó bà đã nghỉ hưu, không còn làm ra nhiều tiền trong khi ông N không làm gì mà thường xuyên đi chơi, sống gia trưởng. Từ đó, vợ chồng thường xuyên xảy ra cự cãi, bất

đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống vợ chồng, mâu thuẫn ngày càng nghiêm trọng. Mặc dù bà và ông N vẫn còn ở chung nhà nhưng hai người đã không còn nói chuyện và quan tâm đến cuộc sống của nhau từ từ năm 2016 đến nay. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng với ông N không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông N, bà không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng sau khi ly hôn.

Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Duy K, sinh ngày 07/3/1983 đã trưởng thành.

Về tài sản chung: Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Tại văn bản trình bày ý kiến ngày 04/6/2020, biên bản hòa giải và tại phiên tòa sơ thẩm bị đơn ông Nguyễn Văn N trình bày:

Về thời gian và điều kiện kết hôn theo như bà Ngô Thị R trình bày là đúng. Theo ông N nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, nhất là trong việc giáo dục, dạy dỗ con trai và con dâu. Việc bà R nói ông không lo làm, không có trách nhiệm với gia đình là không đúng vì thường ngày ông vẫn lo làm vườn nhưng làm theo sức của mình chứ không thể làm được như ý muốn của bà R. Từ khi vợ chồng phát sinh mâu thuẫn đến nay ông cũng đã nhiều lần muốn hàn gắn với bà R nhưng giữa hai bên không thể nói chuyện được với nhau. Giữa ông và bà R đã chung sống với nhau gần 40 năm và hiện nay ông vẫn còn thương bà R vì vậy ông không đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Duy K, sinh ngày 07/3/1983 đã trưởng thành.

- Về tài sản chung: Ông N không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp ông sẽ yêu cầu giải quyết bằng vụ án khác vì quan điểm của ông là không ly hôn.

- Về nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là vụ án “Ly hôn” được Tòa án xem xét giải quyết theo quy định tại Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51 và 56 của Luật hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Về quan hệ hôn nhân: Bà R và ông N tự nguyện chung sống với nhau năm 1982, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre và đã

được cấp giấy chứng nhận kết hôn nên được xác định là hôn nhân hợp pháp. Theo bà R, quá trình chung sống vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống vợ chồng. Bà đã phải nhiều năm chịu đựng tính gia trưởng và sống thiếu trách nhiệm của ông N. Nay bà R xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu được ly hôn với ông N, không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ và chồng sau khi ly hôn. Ông N thì không đồng ý ly hôn vì ông xác định còn thương bà R.

Xét thấy, mâu thuẫn giữa bà R và ông N thực tế là có xảy ra và từ năm 2016 đến nay thì bà R và ông N đã không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau, không còn nói chuyện với nhau. Với khoảng thời gian trên cũng đủ cho ông, bà suy nghĩ lại tình cảm vợ chồng thế nhưng cả hai cũng không tìm cho mình một biện pháp nào để khắc phục mâu thuẫn, hàn gắn lại tình cảm vợ chồng. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cũng đã tiến hành hòa giải động viên để các bên hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng bà R vẫn không đồng ý hàn gắn và tại phiên tòa, bà R xác định không còn tình cảm với ông N và kiên quyết yêu cầu được ly hôn với ông N. Điều đó cho thấy tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa bà R và ông N là đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, ly hôn là biện pháp tốt nhất nhằm đem lại tự do cho cả hai. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà R đối với ông N là phù hợp theo quy định tại các Điều 51 và 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Duy K, sinh ngày 07/03/1983 đã trưởng thành nên không xét đến.

Về tài sản chung: Hai bên không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét đến.

Về nợ chung: Hai bên khai không có nên không xét đến.

[3] Về án phí: Bà R phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 27, 37, 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1/ Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Ngô Thị R đối với ông Nguyễn Văn N. Cụ thể tuyên:

Bà Ngô Thị R được ly hôn với ông Nguyễn Văn N.

Bà Ngô Thị R và ông Nguyễn Văn N không yêu cầu gì về việc cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn nên không xem xét.

Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Duy K, sinh ngày 07/3/1983 đã trưởng thành.

Về tài sản chung: Hai bên không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét đến.

Về nợ chung: Hai bên khai không có nên không xét đến.

2/ Về án phí:

Bà Ngô Thị R phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà R đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0007025 ngày 16/01/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre. Bà R đã nộp đủ án phí.

Các đương sự được quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Chợ Lách;
- Chi cục T.H.A DS huyện Chợ Lách;
- Cơ quan đăng ký kết hôn;
- Lưu HSVA+VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

ĐÃ KÝ

Lê Chí Hậu

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Chợ Lách;
- Chi cục T.H.A DS huyện Chợ Lách;
- Cơ quan đăng ký kết hôn;
- Lưu HSVA+VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Chí Hậu

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Chợ Lách;
- Chi cục T.H.A DS huyện Chợ Lách;
- Cơ quan đăng ký kết hôn;
- Lưu HSVA+VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Chí Hậu

